

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÁ THƯỚC
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2021/DS-ST

Ngày 30 - 9- 2021

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁ THƯỚC TỈNH THANH HÓA**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Quý

2. Ông Lò Văn Trục

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Nhung - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Bá Thước.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bá Thước tham gia phiên tòa: Ông Lê Đình Thuật - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bá Thước, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 27/2021/TLST- DS ngày 01/7/2021 về vụ án: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/QĐXX-ST ngày 31/8/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2021/QĐST-DS ngày 15 tháng 9 năm 2021 giữa;

Nguyên đơn: Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam

Người đại diện theo pháp Luật:

Ông Dương Quyết T; Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trịnh Anh T - Chức vụ: Giám đốc- Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B T, tỉnh Thanh Hóa (có mặt).

Địa chỉ: Phố 1, thị trấn C, huyện B T, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Bà Phạm Thị N; Sinh năm 1989 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện B T, tỉnh Thanh Hóa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Văn T, Sinh năm 1987 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện B T, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn theo ủy quyền trình bày: Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B T thực hiện chương trình cho vay đối với những “hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn” trên địa bàn huyện B theo quy định của Chính phủ. Căn cứ vào danh sách đề nghị vay vốn đã được tổ tiết kiệm và vay vốn thôn Bá Lộc, xã Thiết Ống bình xét, Chủ tịch UBND xã Thiết Ống và Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B T phê duyệt cho vay ngày 08/02/2018. Hộ bà Phạm Thị N và người thừa kế là ông Lê Văn T được vay số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), ngày vay 12/02/2018 đến 18/02/2021, lãi suất cho vay là 0,75%/tháng, lãi suất quá hạn là 0,975%/tháng, mục đích vay mua lợn thịt, phân kỳ 12 tháng một kỳ.

Lãi trong hạn là 10.869.041đ đã trả được 3.353.450đ còn lại là 7.515.613đ

Đến thời hạn trả nợ ngày 18/02/2021 hộ bà Phạm Thị N và ông Lê Văn T không trả số tiền vay 40.000.000đ nên Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B đã thông báo chuyển nợ quá hạn số tiền 40.000.000đ từ ngày 18/02/2021 đến ngày 30/9/2021 là 07 tháng 12 ngày.

$40.000.000đ \times 0,975\%/tháng \times 7 \text{ tháng } 12 \text{ ngày} = 390.000đ \times 7 \text{ tháng } 12 \text{ ngày} = 2.886.000đ$ (Hai triệu tám trăm tám mươi sáu nghìn đồng).

Tổng tiền gốc và lãi là $40.000.000đ + 2.886.000 + 7.515.613đ = 50.401.613đ$ (Năm mươi triệu bốn trăm linh một nghìn sáu trăm mười ba đồng).

Món vay thứ hai là vay theo chương trình hỗ trợ hộ nghèo làm nhà từ 2017 đến 2032. Hộ bà Phạm Thị N và ông Lê Văn T được vay ngày 18/6/2017 hạn trả nợ 18/6/2032 với điều kiện lãi trả hàng, gốc phân kỳ 12 tháng một kỳ phải trả 1.600.000đ/phân kỳ. Hộ bà Phạm Thị N và ông Lê Văn T không trả theo cam kết trong hợp đồng.

Lãi cho vay trong hạn là 0,25%/tháng, lãi quá hạn là 0,325%/tháng.

Để thu hồi vốn cho Nhà nước, Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B T thông báo thu hồi nợ trước hạn và khởi kiện yêu cầu trả toàn bộ tiền gốc là 25.000.000đ và lãi chưa trả và lãi 1.707.539đ tổng cả gốc và lãi là 26.707.539đ

Tại phiên tòa: Nguyên đơn Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Tiền gốc thu hồi hai món vay là $40.000.000đ + 25.000.000đ = 65.000.000đ$, tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn của món vay 40.000.000đ là 10.401.613đ

Lãi của món vay 25.000.000đ là 1.707.539đ. Tổng lãi của cả hai món vay là đến ngày xét xử 30/9/2021 là 12.109.152đ. Tổng cả gốc và lãi của hai món vay bà N và ông T có trách nhiệm trả cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội

huyện B T là 77.109.102đ (Bảy mươi bảy triệu một trăm linh chín nghìn một trăm linh hai đồng).

Bị đơn đã được thông báo hợp lệ nhưng không đến làm việc. Tòa án đã niêm yết các văn bản quyết định tố tụng tại UBND xã Thiết Ống nơi cư trú của chị Phạm Thị N và anh Lê Văn T.

Đến thời điểm xét xử người có nghĩa vụ trả nợ không có đơn xin miễn, giảm án phí và không có tài liệu chứng cứ, chứng minh hiện tại thuộc hộ nghèo hay cận nghèo.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bá Thước tham gia phiên tòa: Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng: Các Điều 288; Điều 429; Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 2 Điều 227; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm 2 khoản 26 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – đại diện theo ủy quyền - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B T số tiền gốc 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) lãi trong hạn, lãi quá hạn. Đối với món vay hỗ trợ làm nhà do vi phạm nghĩa vụ cam kết trả nợ nên chấp nhận yêu cầu thu nợ trước hạn đối với số tiền gốc 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng), lãi trong hạn chưa trả tính đến ngày xét xử và lãi chậm trả theo hợp đồng.

Về án phí: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên người có nghĩa vụ trả nợ phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS và thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS. Thẩm phán, thư ký và HĐXX đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định trình tự tố tụng của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Bị đơn và người có lý do, HĐXX vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, vay có thời hạn và có lãi.

[3] Về nội dung vụ án: HĐXX áp dụng: Các Điều 228; Điều 429; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và sửa đổi bổ sung năm 2017; Án Lệ 08/2016/AL;

[3.1] Có căn cứ xác định bà Phạm Thị N và ông Lê Văn T vay số tiền 40.000.000đ không trả đúng hạn và số tiền gốc. Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B T đã thông báo chuyển nợ quá hạn số tiền 40.000.000đ từ ngày 18/02/2021 (Bốn mươi triệu đồng), ngày vay 12/02/2018 đến 18/02/2021, không trả gốc và lãi theo cam kết hợp đồng. Lãi trong hạn là 10.869.041đ đã trả được 3.353.450đ còn lại là 7.515.613đ.

Lãi quá hạn của 40.000.000đ từ ngày 18/02/2021 đến ngày 30/9/2021 là 07 tháng 12 ngày.

$40.000.000đ \times 0,975\%/tháng \times 7 \text{ tháng } 12 \text{ ngày} = 2.886.000đ$. Tổng tiền gốc và lãi là $40.000.000đ + 2.886.000 + 7.515.613đ = 50.401.613đ$ (Năm mươi triệu bốn trăm linh một nghìn sáu trăm mười ba đồng). Bà N và ông T phải thanh toán một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm người có nghĩa vụ trả nợ còn phải chịu khoản lãi quá hạn của số tiền nợ gốc 40.000.000đ chưa thanh toán theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng là 0,975%/tháng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

[3.2] Món vay thứ hai là vay theo chương trình hỗ trợ hộ nghèo làm nhà từ 2017 đến 2032. Hộ bà Phạm Thị N và ông Lê Văn T được vay ngày 18/6/2017 hạn trả nợ 18/6/2032 với điều kiện lãi trả hàng, gốc phân kỳ 12 tháng một kỳ phải trả 1.600.000đ/phân kỳ. Hộ bà Phạm Thị N và ông Lê Văn T không trả theo cam kết trong hợp đồng.

Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B T đã thông báo thu hồi nợ trước hạn là có căn cứ đối với món vay hỗ trợ làm nhà do vi phạm nghĩa vụ cam kết trả nợ. Thu hồi toàn bộ số nợ gốc là 25.000.000đ và lãi chưa trả và lãi 1.707.539đ. Tổng cả gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm 30/9/2021 là 26.707.539đ (Hai mươi sáu triệu bảy trăm lẻ bảy nghìn năm trăm ba mươi chín đồng). Bà N và ông T phải thanh toán một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm người có nghĩa vụ trả nợ còn phải chịu khoản lãi quá hạn của số tiền nợ gốc 25.000.000đ chưa thanh toán theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng là 0,325%/tháng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

[3.3] Về trách nhiệm trả nợ: Bà Phạm Thị N và ông Lê Văn T liên đới có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - đại diện theo ủy quyền - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B T. Tổng hai món vay là 77.109.152đ trả nợ một lần khi án có hiệu lực pháp luật

[4].Về án phí: Đến thời điểm xét xử người có nghĩa vụ trả nợ không có đơn xin miễn, giảm án phí và không có tài liệu chứng cứ, chứng minh hiện tại thuộc hộ nghèo hay cận nghèo. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên. Bà Phạm Thị N và ông Lê Văn T liên đới chịu toàn bộ án phí của số tiền phải trả nợ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.Căn cứ áp dụng:

Căn cứ áp dụng: Các Điều 288; Điều 429; Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015.

Căn cứ: Khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng năm 2017.

Căn cứ: Án Lệ 08/2016/AL;

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 147; Khoản 2 Điều 277; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

-Căn cứ: Khoản 2 Điều 26, Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Đại diện theo ủy quyền - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B T. Buộc hộ bà Phạm Thị N và ông Lê Văn T phải có trách nhiệm liên đới trả toàn bộ món vay “hộ gia đình sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn”. Gồm tiền gốc là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng); Lãi trong hạn tồn chưa trả là 7.515.613đ (Bảy triệu năm trăm mười lăm nghìn sáu trăm mười ba đồng); lãi quá hạn của số tiền 40.000.000đ từ ngày 18/02/2021 đến ngày 30/9/2021 là 07 tháng 12 ngày.

$40.000.000đ \times 0,975\%/tháng \times 7 \text{ tháng } 12 \text{ ngày} = 390.000đ \times 7 \text{ tháng } 12 \text{ ngày} = 2.886.000đ$ (Hai triệu tám trăm tám mươi sáu nghìn đồng).

Tổng tiền gốc và lãi là $40.000.000đ + 2.886.000 + 7.515.613đ = 50.401.613đ$ (Năm mươi triệu bốn trăm linh một nghìn sáu trăm mười ba đồng).

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Đại diện theo ủy quyền - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B T hồi trước hạn món vay 25.000.000đ tiền gốc và lãi trong hạn chưa trả là 1.707.539đ. Tổng cả gốc và lãi tính đến ngày xét xử là 26.707.539đ (Hai mươi sáu triệu bảy trăm linh bảy nghìn năm trăm ba mươi chín đồng).

4. Bà Phạm Thị N và ông Lê Văn T có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Đại diện theo ủy quyền Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B T hai món vay gồm:

-Món vay “ hộ gia đình sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn” . Tổng tiền gốc và lãi là $40.000.000đ + 2.886.000 + 7.515.613đ = 50.401.613đ$ (Năm mươi triệu bốn trăm linh một nghìn sáu trăm mười ba đồng).

- Món vay hỗ trợ làm nhà 25.000.000đ tiền gốc thu hồi trước hạn và lãi trong hạn chưa trả là 1.707.539đ. Tổng cả gốc và lãi tính đến ngày xét xử là 26.707.539đ (Hai mươi sáu triệu bảy trăm linh bảy nghìn năm trăm ba mươi chín đồng).

Tổng gốc và lãi của cả hai món vay bà Phạm Thị N và ông Lê Văn T có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – đại diện theo ủy quyền - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B T tính đến ngày xét xử 30/9/2021 là 77.109.152đ (Bảy mươi bảy triệu một trăm linh chín nghìn một trăm năm mươi hai đồng). Trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

5. *Trách nhiệm chậm thực hiện nghĩa vụ:* Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm người có nghĩa vụ trả nợ còn phải chịu khoản lãi quá hạn của số tiền nợ gốc 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) chưa thanh toán theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng là 0,975%/tháng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm người có nghĩa vụ trả nợ còn phải chịu khoản lãi quá hạn của số tiền nợ gốc 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng) chưa thanh toán theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng là 0,325%/tháng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

6.*Về án phí:* Bà Phạm Thị Nguyệt và ông Lê Văn T liên đới phải chịu toàn bộ án phí có giá ngạch của số tiền phải trả nợ 77.109.152đ (Bảy mươi bảy triệu một trăm linh chín nghìn một trăm năm mươi hai nghìn đồng) là 3.855.457đ (Ba triệu tám trăm năm mươi lăm nghìn bốn trăm năm mươi bảy nghìn đồng)

7. Bản án này được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án sơ thẩm có mặt Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B T, vắng mặt Bà Phạm Thị N và ông Lê Văn T. Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể

từ ngày tuyên án. Bà Phạm Thị N và ông Lê Văn T có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Chi cục THSDS huyện BT

.....

- Lưu hồ sơ vụ án.

**T M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Quyên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Yến Nguyễn Văn Đàn

Trần Thị Quyên